

Số: /BC-UBND

Krông Nô, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN 6 tháng đầu năm 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Năm 2025 là năm cuối cùng, quyết định sự thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn tiềm tàng nhiều thách thức, những yếu tố đột xuất, bất ngờ vẫn tiềm ẩn rủi ro, khó dự báo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, sạt lở tiếp tục diễn biến bất thường và để lại nhiều ảnh hưởng nặng nề hơn...Sức ép lạm phát vẫn còn lớn; sản xuất kinh doanh dự báo còn khó khăn; các thị trường tài chính, bất động sản còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, giá xăng dầu, nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư đầu vào biến động mạnh; tăng chi phí sản xuất; giá cả leo thang; thị trường bị thu hẹp do sức mua giảm,... đã gây áp lực lớn lên hoạt động sản xuất, kinh doanh, tác động không nhỏ đến doanh thu và mức tăng trưởng của các ngành, lĩnh vực cũng như ảnh hưởng đến công tác thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn huyện.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 19/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách huyện và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2025, trong 06 tháng đầu năm 2025 các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện đã tập trung thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các nhiệm vụ Tài chính - Ngân sách đã đặt ra. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, Nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, sự giám sát chặt chẽ của HĐND huyện, sự nỗ lực phấn đấu cao, sự đoàn kết, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân, do đó đã cơ bản khắc phục được khó khăn, thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp trên tất cả các lĩnh vực và đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cân đối thu, chi ngân sách, an sinh xã hội được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Kết quả thực hiện ngân sách 06 tháng đầu năm 2025 cụ thể như sau:

I. Về thu NSNN trên địa bàn

Tổng số thu NSNN trên địa bàn thực hiện đến hết ngày 12/5/2025 là 59.022 triệu đồng, đạt 35% dự toán tỉnh giao (59.022/169.500) và 34% (59.022/174.500) dự toán huyện xây dựng, đạt 108% so với cùng kỳ năm trước (59.022/54.770); Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 73.828 triệu đồng, đạt 44% dự toán tỉnh giao (73.828/169.500) và 42% dự toán huyện xây

dựng (73.828/174.500). Trong đó: phần huyện quản lý thu là 57.428 triệu đồng, đạt 46% dự toán tỉnh giao (57.428/126.100) và 44% dự toán huyện xây dựng (57.428/131.100), đạt 133% so với cùng kỳ năm trước (57.428/43.172). Bao gồm:

1. Thu thuế, phí và lệ phí

Tổng số thuế, phí và lệ phí ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 47.842 triệu đồng, đạt 46% dự toán tỉnh và huyện giao (47.842/104.600), tăng 42% so với cùng kỳ năm trước (47.842/33.644); trong đó: phần huyện quản lý thu 31.442 triệu đồng, đạt 51% dự toán tỉnh và huyện giao (31.442/61.200), tăng 43% so với cùng kỳ năm trước (31.442/22.046).

2. Thu biện pháp tài chính

Tổng số thu biện pháp tài chính ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 25.986 triệu đồng, đạt 40% dự toán tỉnh giao (25.986/64.900) và 37% dự toán huyện xây dựng (25.986/69.900), tăng 23% so với cùng kỳ năm trước (25.986/21.126); trong đó: thu tiền sử dụng đất là 24.958 triệu đồng (thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất 6.000 triệu đồng, thu tiền chuyển mục đích sử dụng đất 18.958 triệu đồng), đạt 42% dự toán tỉnh giao (24.958/60.000) và 38% dự toán huyện xây dựng (24.958/65.000), tăng 28% so với cùng kỳ năm trước (24.958/19.536).

(Chi tiết các khoản thu theo Phụ lục 01 đính kèm)

3. Tình hình nợ thuế

- Tổng số nợ thuế đến 31/12/2024 chuyển qua: 13.985 triệu đồng:

+ Nợ có khả năng thu: 8.882 triệu đồng,

+ Nợ không có khả năng thu: 4.956 triệu đồng;

- Tổng số nợ thuế đến 30/6/2025 số tiền nợ là: 11.078 triệu đồng:

Trong đó:

+ Nợ có khả năng thu: 6.098 triệu đồng.

+ Nợ không có khả năng thu: 4.980 triệu đồng

* Nhìn chung, Tổng số nợ đến ngày 30/6/2025 giảm so với 31/12/2024 là 20,7%, giảm tuyệt đối là: 2.907 triệu đồng

4. Công tác cưỡng chế nợ

Công tác cưỡng chế nợ thuế được triển khai thực hiện thường xuyên, trong kỳ, đã ban hành 5 quyết định cưỡng chế nợ thuế với tổng số tiền là 2.350 triệu đồng.

*** Đánh giá chung về tình hình thu NSNN 6 tháng đầu năm**

Dự toán thu ngân sách năm 2025 do Hội đồng nhân dân huyện giao tăng 5.000 triệu đồng so với dự toán UBND tỉnh giao (174.500/169.500 triệu đồng), trong đó thu tiền sử dụng đất giao tăng 5.000 triệu đồng. Với nhận định năm

2025 là năm khó khăn với nhiều yếu tố khó lường, cả hệ thống chính trị đã vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt công tác thu ngân sách. Nhìn chung các khoản thu 6 tháng đầu năm 2025 đạt tương đối thấp, tổng số thu NSNN trên địa bàn thực hiện đến hết ngày 12/5/2025 là 59.022 triệu đồng, đạt 35% dự toán tỉnh giao (59.022/169.500) và 34% (59.022/174.500) dự toán huyện xây dựng, đạt 108% so với cùng kỳ năm trước (59.022/54.770). Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, có một số khoản thu tăng so với cùng kỳ năm trước như thu từ khu vực ngoài quốc doanh (tăng 42%), lệ phí trước bạ (tăng 158%); phí, lệ phí (tăng 15%); thu tiền sử dụng đất (tăng 23%), thuế thu nhập cá nhân (tăng 77%), tiền cho thuê đất (tăng 135%); Bên cạnh đó, một số khoản thu giảm so với cùng kỳ năm trước như thu từ khu vực quốc doanh (đạt 54%), thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đạt 96%) thu khác (đạt 76%). Tuy nhiên, nhìn chung thu ngân sách ước 6 tháng đầu năm 2025 không đạt tiến độ kế hoạch giao năm 2025, cụ thể tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 42% với nhiều khoản thu đạt thấp như thu từ khu vực quốc doanh đạt 15%, thuế tiêu thụ đặc biệt khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 43%, thuế tài nguyên khu vực ngoài quốc doanh ước đạt 36%, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 10%, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 16%, thu tiền sử dụng đất 38%, thu khác ngân sách 21%.

Nguyên nhân:

Tình hình kinh tế dự báo đang phục hồi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu dùng của người dân vẫn chưa tăng, sức mua, bán trên thị trường vẫn còn thấp tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn và phần nào có ảnh hưởng đến tình hình thu ngân sách chung của huyện. Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, vốn đầu tư thấp... dẫn đến khó khăn về vốn, nên sản xuất kinh doanh cầm chừng và khó khăn tìm kiếm thị trường kinh doanh mới sau đại dịch và có một số doanh nghiệp thua lỗ, phá sản nợ thuế không có khả năng nộp thuế. Các tháng đầu năm tình hình hạn hán nghiêm trọng ảnh hưởng đến hoạt động của các thủy điện, khai thác tài nguyên cát, giải ngân vốn đầu tư công... trên địa bàn. Ý thức tuân thủ pháp luật thuế của một bộ phận người nộp thuế chưa cao; một số doanh nghiệp lợi dụng sự thông thoáng của pháp luật để chây ỳ nộp thuế. Công tác kế toán của một số doanh nghiệp chưa thực sự được chú trọng, việc cập nhật các văn bản về pháp luật thuế của các doanh nghiệp còn hạn chế.

Đến nay chưa thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch, nguyên nhân: do kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt muộn (19/3/2025), công tác triển khai lập thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất còn chậm (phê duyệt phương án đấu giá, định giá đất cụ thể để, quyết định đấu giá) chưa triển khai kịp thời. Hiện nay đang hoàn tất các thủ tục để lựa chọn tổ chức đấu giá trong tháng 6/2025 như: Khu trung tâm cụm xã Nậm Nung, khu đất tại thôn Phú Hưng, xã Quảng Phú, khu vực cánh đồng La Trao, khu trung tâm cụm xã Đắc Drô, khu vực đất xây dựng Công trình nước sạch (cũ), tại Bon Đắc Pí xã Nậm N'Đir.

II. Về chi NSNN

Tổng số chi ngân sách huyện thực hiện đến hết ngày 12/5/2025 là 263.044 triệu đồng, đạt 34,7% dự toán tỉnh (263.044/757.381) và 34,5% dự toán huyện xây dựng (263.044/762.381). Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 427.260 triệu đồng, đạt 56,4% dự toán tỉnh (427.260/757.381) và 56% dự toán huyện xây dựng (427.260/762.381), tăng 166% so với số chi cùng kỳ năm trước (427.260/160.797). Bao gồm:

1. Chi đầu tư phát triển

Tổng chi ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 50.271 triệu đồng, đạt 67% dự toán tỉnh giao (50.271/75.309) và 68% dự toán huyện xây dựng đầu năm (50.271/73.809), tăng 246% so với cùng kỳ năm trước (50.271/14.538) (phần chi đầu tư có báo cáo đánh giá riêng).

2. Chi thường xuyên

Tổng số chi thường xuyên ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 là 376.989 triệu đồng, đạt 59,23% dự toán tỉnh giao (376.989/636.448) và 58,89% dự toán huyện xây dựng (376.989/640.253), tăng 158% so với cùng kỳ năm trước (376.989/146.259); trong đó: chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo 182.000/148.493 triệu đồng, đạt 54% dự toán tỉnh giao (182.000/337.309) và đạt 50% dự toán huyện giao (182.000/363.990); chi khoa học công nghệ chưa phát sinh số chi.

(Chi tiết các khoản chi theo Phụ lục 02 đính kèm)

3. Tình hình thực hiện và giải ngân kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia 06 tháng đầu năm 2025: Có báo cáo đánh giá riêng

* Đánh giá chung tình hình chi NSNN

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã yêu cầu các đơn vị, UBND các xã, thị trấn, tập trung phân bổ dự toán ngân sách được giao cho các đơn vị đảm bảo thời gian theo quy định. Chủ động sử dụng dự phòng và các nguồn hợp pháp khác của địa phương để xử lý các nhiệm vụ chính trị, an sinh xã hội và cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

- Đối với chi đầu tư phát triển: Căn cứ dự toán đã được cân đối từ đầu năm, các công trình, dự án trọng điểm được quan tâm bố trí vốn hợp lý, công tác giải ngân, thanh toán các nguồn vốn, tạm ứng theo hợp đồng được thực hiện khẩn trương, kiểm soát chặt chẽ. Công tác kiểm tra, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng công trình xây dựng. Các dự án sử dụng vốn NSNN trên địa bàn nhìn chung có chất lượng tốt, tuân thủ quy trình thi công, nghiệm thu, an toàn lao động.

- Đối với chi các chương trình mục tiêu quốc gia: Các công trình, dự án trong kế hoạch được phân bổ vốn và công trình dự án từ các nguồn vốn chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 cơ bản đã thực hiện đúng nội dung, mục đích, công tác kiểm tra, giám sát thực hiện dự án được thường xuyên tăng cường. Qua

đó đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của các Chương trình MTQG, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội.

- Đối với chi thường xuyên: UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn kiểm soát chặt chẽ các khoản chi thường xuyên bám sát theo dự toán giao; đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, an sinh xã hội của địa phương, tăng cường quản lý nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN, đảm bảo chi trong phạm vi dự toán HĐND quyết định. Đồng thời, ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị, UBND các xã, thị trấn về việc điều hành NSNN, thực hiện chi thường xuyên, mua sắm tài sản từ nguồn NSNN năm 2025.

III. Một số nội dung điều hành ngân sách cấp huyện 6 tháng đầu năm

1. Nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện bố trí năm 2025 là 9.606,053 triệu đồng; đã sử dụng 6 tháng đầu năm là 3.103,070 triệu đồng¹; kinh phí dự phòng còn lại chưa sử dụng là 6.502,983 triệu đồng.

2. Số bổ sung có mục tiêu phát sinh từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện trong 6 tháng đầu năm 2025 là 2.100 triệu đồng (Kinh phí xóa nhà tạm nhà dột nát từ nguồn kinh phí của tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ).

3. Nguồn kinh phí chưa phân bổ đầu năm 2025: Tổng nguồn kinh phí chưa phân bổ đầu năm 2025 là 44.756,899 triệu đồng²; số đã phân bổ 6 tháng đầu năm là 19.888,92 triệu đồng³; số còn lại chưa phân bổ là 24.867,979 triệu đồng.

4. Nguồn tiết kiệm chi năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện năm 2025: Tổng nguồn tiết kiệm chi năm 2024 chuyển nguồn sang năm

¹ Gồm: Bổ sung kinh phí cho Ban chỉ huy quân sự 322.768.000 đồng, bổ sung kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể cho phòng Nông nghiệp và Môi trường số tiền 601.021.000 đồng, bổ sung kinh phí nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 178 cho Văn phòng Huyện uỷ số tiền 1.375.416.432 đồng, bổ sung kinh phí tổ chức lễ công bố đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Quảng Phú và Buôn Choah số tiền 240.000.000 đồng, Bổ sung kinh phí điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Krông Nô đến 2030 cho phòng Nông nghiệp và Môi trường số tiền 517.365.000 đồng, bổ sung kinh phí xét tuyển viên chức cho phòng Nội vụ số tiền 46.500.000 đồng.

² Gồm: Kinh phí hỗ trợ tiền tết 1.729.000.000 đồng; Kinh phí chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững 756.000.000 đồng; Kinh phí 03 chương trình MTQG 2.695.000.000 đồng; Kinh phí sự nghiệp ngân sách huyện đối ứng thực hiện các CT MTQG 2.695.000.000 đồng; Kinh phí sự nghiệp giáo dục 8.047.663.000 đồng; Kinh phí của các cơ quan QLNN, đảng đoàn thể và các sự nghiệp khác phân bổ sau 14.038.833.000; Kinh phí sự nghiệp kinh tế 3.100.000.000 đồng; Kinh phí hỗ trợ công tác chuyển đổi số, đảm bảo đầu nối với hệ thống thông tin nguồn của tỉnh 2.000.000.000 đồng; Kinh phí chính sách theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND 2.595.000.000 đồng; Kinh phí kiểm kê rừng và giao rừng 500.000.000 đồng; Kinh phí hỗ trợ phụ nữ DTTS nghèo khi sinh con đúng chính sách dân số 16.000.000 đồng; Kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc 249.000.000 đồng; Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 6.335.403.000 đồng.

³ Gồm: Kinh phí hỗ trợ tiền tết 1.057.000.000 đồng; Kinh phí 03 chương trình MTQG 2.695.000.000 đồng; Kinh phí sự nghiệp ngân sách huyện đối ứng thực hiện các CT MTQG 2.695.000.000 đồng; Kinh phí sự nghiệp giáo dục 3.481.476.000 đồng; Kinh phí hỗ trợ đại hội đảng bộ 1.160.444.000 đồng; Kinh phí nâng cấp, sửa chữa đường bê tông thôn Đắk Ri 1.500.000.000 đồng; Kinh phí nâng cấp sửa chữa đường QL28 đi thôn Xuyên Phước – thôn Xuyên Hà 2.500.000.000 đồng; Kinh phí nâng cấp sửa chữa trường THCS Năm N’Đir 1.400.000.000 đồng; Kinh phí đường Đắk Hà – Xường Cưa (đường Nguyễn Văn Linh đi thị trấn Đắk Mâm) 3.100.000.000 đồng; kinh phí giao rừng 300.000.000 đồng.

2025 là 24.356,491 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm*).

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm trên địa bàn huyện, kính trình Hội đồng nhân dân huyện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Huyện uỷ;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- Đội thuế Khu vực XIV;
- PGD số 25 thuộc KBNN khu vực XIV;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ngô Xuân Hà

TỔNG HỢP THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		Thực hiện đến ngày 12/5/2025	Thực hiện cùng kỳ năm trước 02/5/2024	Ước thực hiện 6 tháng 2025	Tỷ lệ %			
	UBND Tỉnh giao	HĐND Huyện giao				TH/ DT tỉnh giao	TH/ DT huyện giao	Ư' TH / DT 6 tháng UBND huyện giao	TH/ cùng kỳ năm trước
TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B)	169.500	174.500	59.022	54.770	73.828	35	34	42	108
<i>Trong đó: Phần huyện quản lý thu</i>	126.100	131.100	46.399	43.172	57.428	37	35	44	107
A. CÁC KHOẢN THU CÂN ĐỐI NSNN	169.500	174.500	59.022	54.770	73.828	35	34	42	108
I. THU THUẾ & PHÍ	104.600	104.600	43.813	33.644	47.842	42	42	46	130
<i>Trong đó: Phần huyện quản lý thu</i>	61.200	61.200	31.190	22.046	31.442	51	51	51	141
1. Thu từ khu vực quốc doanh	25.550	25.550	3.835	7.159	3.835	15	15	15	54
<i>1.1. Thu từ DNNNTW</i>	<i>24.900</i>	<i>24.900</i>	<i>3.603</i>	<i>6.822</i>	<i>3.603</i>	14	14	14	53
- Thuế giá trị gia tăng	11.170	11.170	1.601	3.188	1.601	14	14	14	50
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	130	130	45	50	45	35	35	35	90
- Thuế tài nguyên	13.600	13.600	1.957	3.584	1.957	14	14	14	55
<i>1.2. Thu từ DNNĐP</i>	<i>650</i>	<i>650</i>	<i>232</i>	<i>337</i>	<i>232</i>	36	36	36	69
- Thuế giá trị gia tăng	350	350	115	203	115	33	33	33	57
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	300	300	107	134	107	36	36	36	80
- Thuế tài nguyên	-	-	9	-	9				
2. Thu từ DN có vốn ĐT nước ngoài			-	476	-				
- Thuế giá trị gia tăng				60	-				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				416	-				
3. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	37.180	37.180	16.394	12.831	18.216	44	44	49	128
- Thuế giá trị gia tăng	24.680	24.680	12.070	9.573	13.411	49	49	54	126
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.400	1.400	714	361	793	51	51	57	198
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	200	200	77	70	86	38	38	43	
- Thuế tài nguyên	10.900	10.900	3.533	2.827	3.926	32	32	36	125
3. Thu lệ phí trước bạ	16.000	16.000	12.527	5.047	13.025	78	78	81	248
4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	60	60	6	2	6	10	10	10	312
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			-	-	-				
6. Phí, lệ phí	3.800	3.800	1.849	1.784	2.054	49	49	54	104
7. Tiền cho thuê đất	1.500	1.500	681	322	757	45	45	50	212
8. Thuế thu nhập cá nhân	15.060	15.060	8.170	5.137	9.098	54	54	60	159
9. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	5.450	5.450	352	886	851	6	6	16	40
10 Thu khác do ngành thuế thực hiện (Thuế BVMT)					-				
II. THU BIỆN PHÁP TÀI CHÍNH	64.900	69.900	15.209	21.126	25.986	23	22	37	72
- Thu tiền sử dụng đất	60.000	65.000	14.218	19.536	24.958	24	22	38	73
<i>Trong đó: Thu từ đấu giá quyền sử dụng đất</i>	<i>30.000</i>	<i>30.000</i>			-	0	0	0	
- Thu khác ngân sách (Thu phạt hành chính, thu tịch thu, thu khác)	4.900	4.900	991	1.590	1.028	20	20	21	62
- Thu từ quỹ đất công ích	-	-	-	-	-				
B. CÁC KHOẢN HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP	-	-	-	-	-				
- Các khoản huy động, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng				-					
- Các khoản huy động đóng góp khác				-					

* Số Cục thuế thu (triệu đồng)

12.624

(12.624/43.400)

16.400

29%

38%

PHỤ LỤC 02
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2025

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025		Thực hiện đến ngày 12/5/2025	Thực hiện cùng kỳ năm trước (02/5/2024)	Ước thực hiện 6 tháng 2025	Tỷ lệ %			
	UBND Tỉnh giao	HĐND Huyện giao				TH/ DT tỉnh giao	TH/ DT huyện giao	UTH / DT 6 tháng UBND huyện giao	TH/ cùng kỳ năm trước
TỔNG CHI NS HUYỆN (I+II+III)	757.381	762.381	263.044	160.797	427.260	35%	35%	56%	164%
I/ Chi đầu tư phát triển	75.309	73.809	15.423	14.538	50.271	20%	21%	68%	106%
II/ Chi thường xuyên	636.448	640.253	247.621	146.259	376.989	39%	39%	59%	169%
1. Chi sự nghiệp kinh tế		25.737	6.015	9.225	10.479		23%	41%	65%
2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy ngh	337.309	363.990	148.493	79.299	182.000	44%	41%	50%	187%
3. Chi sự nghiệp văn hóa		9.465	3.278	2.635	3.934		35%	42%	124%
4. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình		783	134	133	264		17%	34%	101%
5. Chi sự nghiệp thể dục thể thao		978	267	309	450		27%	46%	86%
6. Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội		38.372	10.469	6.577	13.959		27%	36%	159%
7. Chi quản lý hành chính		141.756	53.755	33.863	125.122		38%	88%	159%
8. Chi quốc phòng		4.467	2.715	2.062	3.056		61%	68%	132%
9. Chi an ninh		2.407	2.067	636	2.067		86%	86%	325%
10. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		520	159	35	190,000		31%	37%	454%
11. Chi sự nghiệp y tế		47.853	15.200	9.635	30.400		32%	64%	158%
12. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	300	300			-	0%	0%	0%	
13. Chi khác ngân sách		3.625	5.069	1.850	5.069		140%	140%	274%
III/ Chi chương trình MTQG	34.215	36.910					0%	0%	
III/ Chi dự phòng ngân sách	11.409	11.409				0%	0%	0%	

PHỤ LỤC 03*DVT: Đồng*

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội	1.081.251.000	
2	Bố trí các nhiệm vụ chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	16.499.995.000	
3	Kinh phí ủy thác qua NHCS xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	1.000.000.000	
4	Công trình: Thay thế, bổ sung hệ thống ATGT, phát dọn quang các tuyến đường GT trên địa bàn huyện	430.000.000	
5	Kinh phí thanh toán nợ: Hoa viên trung tâm thị trấn Đắk Mâm	107.000.000	
6	Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường bê tông Bon Bróih (từ đất hộ Nguyễn Văn Đào đến đất hộ Lê Việt Hùng)	900.000.000	
7	Kinh phí thanh toán nợ: Nhà 1 cửa Nam Xuân	152.245.000	
8	Kinh phí thanh toán nợ: Nhà bia ghi danh B4 (Năm Nung)	1.386.000.000	
9	Công trình: Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông từ thôn Cao Sơn đi Buôn Choah	2.000.000.000	
10	Công trình: Nâng cấp, sửa chữa vỉa hè đường C4, thị trấn Đắk Mâm	800.000.000	
	TỔNG CỘNG	24.356.491.000	